

Số: /2025/TT-BXD

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

THÔNG TƯ

**Công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh
Khánh Hòa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang**

Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 58/2017/NĐ-CP ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Hàng hải Việt Nam về quản lý hoạt động hàng hải và các Nghị định sửa đổi, bổ sung;

Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư công bố vùng nước cảng biển, khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang.

Điều 1. Công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa tính theo mực nước thủy triều lớn nhất bao gồm các khu vực sau:

1. Khu vực vịnh Vân Phong với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm theo thứ tự VP1, VP2 và VP3 có tọa độ sau đây:

VP1: 12°33'39,7"N, 109°25'53,6"E (mũi Gành - phía Nam bán đảo Hòn Gốm);

VP2: 12°24'03,7"N, 109°24'33,6"E;

VP3: 12°24'03,7"N, 109°20'23,6"E (mũi Bàn Thang).

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm VP1 (mũi Gành) chạy dọc theo đường bờ phía Tây của bán đảo Hòn Gốm lên phía Bắc qua mũi Cô Cỏ, mũi Đa Sơn và dọc theo đường bờ đến điểm VP5, từ VP5 nối thẳng đến điểm VP4, tiếp

tục chạy dọc đường bờ qua mũi Hòn Giang, mũi Hòn Khói tới điểm VP3 (mũi Bàn Thang).

VP4: $12^{\circ}36'19,7''\text{N}$, $109^{\circ}11'56,6''\text{E}$;

VP5: $12^{\circ}45'29,7''\text{N}$, $109^{\circ}21'18,6''\text{E}$.

2. Khu vực vịnh Nha Trang với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển:

Được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm theo thứ tự NT1, NT2 có tọa độ sau đây:

NT1: $12^{\circ}14'17,7''\text{N}$, $109^{\circ}15'53,6''\text{E}$ (mũi Ba Cơ - phía Bắc Hòn Tre);

NT2: $12^{\circ}17'51,7''\text{N}$, $109^{\circ}13'53,6''\text{E}$.

Được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm theo thứ tự NT5, NT6 và NT7 có tọa độ sau đây:

NT5: $12^{\circ}09'20,7''\text{N}$, $109^{\circ}13'14,6''\text{E}$;

NT6: $12^{\circ}09'20,7''\text{N}$, $109^{\circ}16'41,6''\text{E}$;

NT7: $12^{\circ}11'06,7''\text{N}$, $109^{\circ}16'41,6''\text{E}$.

b) Ranh giới về phía đất liền:

Từ điểm NT2 chạy theo đường bờ đến điểm NT3, từ điểm NT3 nối thẳng đến điểm NT4, từ điểm NT4 chạy dọc đường bờ xuống phía Nam đến điểm NT8, từ điểm NT8 nối thẳng đến điểm NT5.

Từ điểm NT7, chạy theo đường bờ phía Tây đảo Hòn Tre lên phía Bắc, qua mũi Nam, đến mũi Lang và nối với điểm NT1.

NT3: $12^{\circ}17'40,52''\text{N}$, $109^{\circ}12'34,18''\text{E}$;

NT4: $12^{\circ}13'01,7''\text{N}$, $109^{\circ}12'25,6''\text{E}$ (Trường Tây, phường Nam Nha Trang);

NT8: $12^{\circ}12'17,0''\text{N}$, $109^{\circ}13'00,0''\text{E}$.

3. Khu vực vịnh Cam Ranh với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm CR1, CR2, CR3, CR4, CR5, CR6 và CR7 có tọa độ sau:

CR1: 11°56'14,3"N, 109°10'42,8"E;

CR2: 11°55'36,6"N, 109°11'24,1"E;

CR3: 11°54'46,7"N, 109°11'00,0"E;

CR4: 11°54'00,0"N, 109°10'21,3"E;

CR5: 11°53'00,4"N, 109°11'39,7"E;

CR6: 11°48'13,7"N, 109°13'39,6"E;

CR7: 11°46'57,7"N, 109°11'53,6"E.

b) Ranh giới về phía đất liền:

Từ điểm CR7 chạy dọc theo đường bờ lên phía Bắc qua mũi Bà Tiên và mũi Sộp, chạy theo đường bờ của vịnh Cam Ranh xuống phía Nam đến điểm CR8 và nối với điểm CR9, tiếp tục chạy theo đường bờ đến điểm CR10, từ CR10 nối đến điểm CR11, tiếp tục chạy theo đường bờ đến điểm CR12, từ CR12 nối thẳng CR13, từ CR13 nối với điểm CR14, tiếp tục chạy theo đường bờ lên phía Bắc đến điểm CR1.

CR8: 11°50'18,2"N, 109°09'14,6"E;

CR9: 11°51'48,7"N, 109°06'24,3"E;

CR10: 11°54'00,1"N, 109°07'33,4"E;

CR11: 11°54'03,7"N, 109°08'26,1"E;

CR12: 11°53'56,7"N, 109°09'18,9"E;

CR13: 11°55'05,1"N, 109°10'30,0"E;

CR14: 11°55'30,7"N, 109°10'08,6"E.

4. Đặc khu Trường Sa với phạm vi:

Phạm vi vùng nước cảng biển đặc khu Trường Sa tại khu vực đảo Trường Sa lớn được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm TS1, TS2, TS3, TS4, TS5 có tọa độ sau đây:

TS1: 08°38'13,7"N, 111°54'56,6"E;

TS2: 08°38'44,0"N, 111°55'28,6"E;

TS3: 08°39'22,7"N, 111°55'47,3"E;

TS4: $08^{\circ}39'35,5''\text{N}$, $111^{\circ}55'04,6''\text{E}$;

TS5: $08^{\circ}38'22,2''\text{N}$, $111^{\circ}54'36,6''\text{E}$.

5. Khu vực vịnh Phan Rang với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm theo thứ tự PR1, PR2 và PR3, có tọa độ sau đây:

PR1: $11^{\circ}33'48,7''\text{N}$, $109^{\circ}07'35,6''\text{E}$ (Mũi Hòn Đỏ);

PR2: $11^{\circ}28'59,7''\text{N}$, $109^{\circ}05'30,8''\text{E}$;

PR3: $11^{\circ}28'59,7''\text{N}$, $109^{\circ}00'48,6''\text{E}$.

b) Ranh giới về phía đất liền:

Từ điểm PR1 chạy dọc theo đường bờ của vịnh Phan Rang xuống phía Nam đến khu vực cửa luồng vào lạch Tri Hải (luồng vào bên cảng Ninh Chữ), chạy theo đường bờ tả ngạn lạch Tri Hải đến hành lang an toàn phía hạ lưu cầu đường bộ Ninh Chữ tại điểm NC1 có tọa độ $11^{\circ}35'37,1''\text{N}$, $109^{\circ}02'45,8''\text{E}$ (theo quy định hiện hành về hành lang an toàn đường bộ), chạy dọc hành lang an toàn phía hạ lưu cầu Ninh Chữ sang đến đường bờ hữu ngạn của lạch Tri Hải đến điểm NC2 có tọa độ $11^{\circ}35'33,6''\text{N}$, $109^{\circ}02'41,8''\text{E}$, chạy theo đường bờ về phía cửa lạch Tri Hải, tiếp tục chạy dọc theo đường bờ tới điểm SD1 có tọa độ $11^{\circ}32'19,8''\text{N}$, $109^{\circ}01'37,9''\text{E}$ (phía đường bờ tả ngạn cửa sông Dinh). Từ điểm SD1 nối với điểm SD2 có tọa độ $11^{\circ}32'08,7''\text{N}$, $109^{\circ}01'29,8''\text{E}$ (phía đường bờ hữu ngạn cửa sông Dinh). Từ điểm SD2, tiếp tục chạy dọc theo đường bờ của vịnh Phan Rang về phía Nam đến điểm PR3.

6. Khu vực Cà Ná với phạm vi:

a) Ranh giới về phía biển: được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối lần lượt các điểm CN1, CN2, CN3, CN4, CN5, CN6 và CN7 có tọa độ sau đây:

CN1: $11^{\circ}18'36,0''\text{N}$; $108^{\circ}56'03,0''\text{E}$;

CN2: $11^{\circ}14'37,0''\text{N}$; $108^{\circ}56'02,7''\text{E}$;

CN3: $11^{\circ}14'38,2''\text{N}$; $108^{\circ}54'29,7''\text{E}$;

CN4: $11^{\circ}18'01,4''\text{N}$; $108^{\circ}54'33,1''\text{E}$;

CN5: $11^{\circ}18'03,3''\text{N}$; $108^{\circ}53'12,3''\text{E}$;

CN6: 11°18'05,7''N; 108°53'01,8''E;

CN7: 11°20'03,6''N; 108°51'52,9''E.

b) Ranh giới về phía đất liền: từ điểm CN1 chạy dọc theo đường bờ biển xuống phía Tây Bắc đến điểm CN7.

7. Ranh giới vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa quy định tại Thông tư này được xác định trên các hải đồ bao gồm: VN300021; VN4BN001; VN4NT001; VN300020; VN3KH001; VN4VT001 do Tổng công ty Bảo đảm An toàn hàng hải Việt Nam phát hành, được cập nhật mới nhất năm 2025 và Hải đồ số I-25-582 của Hải quân nhân dân Việt Nam được cập nhật mới nhất năm 2016. Tọa độ các điểm quy định tại Thông tư này được áp dụng theo Hệ tọa độ VN-2000 và được chuyển sang Hệ tọa độ WGS-84 tương ứng tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Khu vực hàng hải thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa

Vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa gồm 05 khu vực hàng hải:

1. Khu vực hàng hải Vân Phong.
2. Khu vực hàng hải Nha Trang.
3. Khu vực hàng hải Cam Ranh.
4. Khu vực hàng hải Trường Sa.
5. Khu vực hàng hải Phan Rang.

Điều 3. Khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang

Cảng vụ Hàng hải Nha Trang quản lý nhà nước chuyên ngành hàng hải tại cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa được quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4, 5, 7 Điều 1 và các khu vực hàng hải được quy định tại Điều 2 Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2026.
2. Bãi bỏ Thông tư số 27/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa, vùng nước cảng biển Ninh Thuận tại khu vực vịnh Phan

Rang và khu vực quản lý của Cảng vụ Hàng hải Nha Trang.

3. Bãi bỏ số thứ tự số 15 tại Phụ lục Danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải được ban hành kèm theo Thông tư số 32/2019/TT-BGTVT ngày 04 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải công bố danh mục khu vực hàng hải thuộc phạm vi quản lý của Cảng vụ hàng hải./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Thứ trưởng Bộ Xây dựng;
- Cục kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Xây dựng;
- Báo Xây dựng;
- Lưu: VT, CHHĐTVN (02b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Xuân Sang

Phụ lục
BẢNG CHUYỂN ĐỔI HỆ TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM
(Ban hành kèm theo Thông tư số /2025/TT-BXD ngày tháng năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)

1. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa tại các khu vực: vịnh Vân Phong, vịnh Nha Trang, vịnh Cam Ranh.

Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
VP1	12°33'39,7"	109°25'53,6"	12°33'36,0"	109°26'00,0"
VP2	12°24'03,7"	109°24'33,6"	12°24'00,0"	109°24'40,0"
VP3	12°24'03,7"	109°20'23,6"	12°24'00,0"	109°20'30,0"
VP4	12°36'19,7"	109°11'56,6"	12°36'16,0"	109°12'03,0"
VP5	12°45'29,7"	109°21'18,6"	12°45'26,0"	109°21'25,0"
NT1	12°14'17,7"	109°15'53,6"	12°14'14,0"	109°16'00,0"
NT2	12°17'51,7"	109°13'53,6"	12°17'48,0"	109°14'00,0"
NT3	12°17'40,52"	109°12'34,18"	12°17'36,82"	109°12'40,58"
NT4	12°13'01,7"	109°12'25,6"	12°12'58,0"	109°12'32,0"
NT5	12°09'20,7"	109°13'14,6"	12°09'17,0"	109°13'21,0"
NT6	12°09'20,7"	109°16'41,6"	12°09'17,0"	109°16'48,0"
NT7	12°11'06,7"	109°16'41,6"	12°11'03,0"	109°16'48,0"
NT8	12°12'17,0"	109°13'00,0"	12°12'13,3"	109°13'06,4"
CR1	11°56'14,3"	109°10'42,8"	11°56'10,6"	109°10'49,2"
CR2	11°55'36,6"	109°11'24,1"	11°55'32,9"	109°11'30,6"
CR3	11°54'46,7"	109°11'00,0"	11°54'43,0"	109°11'06,4"
CR4	11°54'00,0"	109°10'21,3"	11°53'56,3"	109°10'27,8"
CR5	11°53'00,4"	109°11'39,7"	11°52'56,7"	109°11'46,2"
CR6	11°48'13,7"	109°13'39,6"	11°48'10,0"	109°13'46,0"
CR7	11°46'57,7"	109°11'53,6"	11°46'54,0"	109°12'00,0"
CR8	11°50'18,2"	109°09'14,6"	11°50'14,5"	109°09'21,0"
CR9	11°51'48,7"	109°06'24,3"	11°51'45,0"	109°06'30,7"

CR10	11°54'00,1"	109°07'33,4"	11°53'56,4"	109°07'39,8"
CR11	11°54'03,7"	109°08'26,1"	11°54'00,0"	109°08'32,5"
CR12	11°53'56,7"	109°09'18,9"	11°53'53,0"	109°09'25,3"
CR13	11°55'05,1"	109°10'30,0"	11°55'01,4"	109°10'36,4"
CR14	11°55'30,7"	109°10'08,6"	11°55'27,0"	109°10'15,0"

2. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa tại đặc khu Trường Sa.

Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
TS1	08°38'13,7"	111°54'56,6"	08°38'10"	111°55'03"
TS2	08°38'44,0"	111°55'28,6"	08°38'40,3"	111°55'35"
TS3	08°39'22,7"	111°55'47,3"	08°39'19,0"	111°55'53,7"
TS4	08°39'35,5"	111°55'04,6"	08°39'31,8"	111°55'11"
TS5	08°38'22,2"	111°54'36,6"	08°38'18,5"	111°54'43"

3. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa tại khu vực vịnh Phan Rang.

Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
PR1	11°33'48,7"	109°07'35,6"	11°33'45,0"	109°07'42,0"
PR2	11°28'59,7"	109°05'30,8"	11°28'56,0"	109°05'37,2"
PR3	11°28'59,7"	109°00'48,6"	11°28'56,0"	109°00'55,0"
NC1	11°35'37,1"	109°02'45,8"	11°35'33,40"	109°02'52,20"
NC2	11°35'33,6"	109°02'41,8"	11°35'29,90"	109°02'48,20"
SD1	11°32'19,8"	109°01'37,9"	11°32'16,10"	109°01'44,30"
SD2	11°32'08,7"	109°01'29,8"	11°32'05,0"	109°01'36,20"

4. Tọa độ các điểm giới hạn vùng nước cảng biển thuộc địa phận tỉnh Khánh Hòa tại khu vực Cà Ná.

Điểm	Hệ VN-2000		Hệ WGS-84	
	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)	Vĩ độ (N)	Kinh độ (E)
CN1	11°18'36,0"	108°56'03,0"	11°18'32,3"	108°56'09,4"
CN2	11°14'37,0"	108°56'02,7"	11°14'33,3"	108°56'09,1"
CN3	11°14'38,2"	108°54'29,7"	11°14'34,5"	108°54'36,1"
CN4	11°18'01,4"	108°54'33,1"	11°17'57,7"	108°54'39,5"
CN5	11°18'03,3"	108°53'12,3"	11°17'59,6"	108°53'18,7"
CN6	11°18'05,7"	108°53'01,8"	11°18'02,0"	108°53'08,2"
CN7	11°20'03,6"	108°51'52,9"	11°19'59,9"	108°51'59,3"